TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:19/2022/QĐST – HNGĐ.	*N, ngày 14 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 45/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa;

Nguyên đơn: Chị N, sinh năm 1989;

Bị đơn: Anh L, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị N và anh L.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L thỏa thuận thuận tình ly hôn; hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (14-6-2022).

-Về con chung: Anh chị có 03 con chung. Anh L nhận trách nhiệm nuôi 03 con chung là các cháu Kim C, sinh ngày 07/8/2010; cháu Kim L, sinh ngày 27/8/2013; cháu V, sinh ngày 21/11/2016 theo nguyện vọng của cháu Kim C và cháu Kim L cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Chị N có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi ba con mỗi tháng 1.000.000đ/01con, đóng góp vào ngày 20 hàng tháng, tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

+/ Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh L: Nếu chị N chậm đóng góp tiền nuôi con theo thỏa thuận trên thì phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm đóng góp.

-Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144 và các khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 điểm b khoản 6 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị N và anh L mỗi người phải nộp 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị N phải nộp 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, chị N nhận nộp thay cho anh L; tổng cộng chị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước, chị N được chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí sang án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002834 ngày 11/5/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Nguyên đơn; Bị đơn
-VKSND huyện; THADS huyện
- UBND xã P, N,
Kon Tum (nơi đăng ký kết hôn).
-Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo